

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2023/HS- ST

Ngày: 28- 12-2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM- THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Phạm Thị Oanh  
2. Ông Lương Văn Thoại

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Tứ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tham gia phiên tòa:***

Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung- Kiểm sát viên.

Ngày 28/12/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 253/2023/HSST ngày 04/12/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2023/QĐXXST-HS ngày 13/12/2023 đối với bị cáo:

**BÙI VĂN L** ( tên gọi khác là **C**), sinh năm 1957; Nơi cư trú: thôn V 2, xã CB, huyện GL, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 4/10; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn Q (đã chết) và bà Hoàng Thị D; Vợ là Nguyễn Thị Ng (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2012. Tiền án: Bản án số 31/HSST ngày 26/12/1995 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, tổng hợp với 24 tháng tù theo Bản án số 40/HSST ngày 12/4/1995 của TAND huyện GL về tội Trộm cắp TSCCD. Tổng hợp hình phạt của 02 bản án là 03 năm tù. Bị cáo L kháng cáo. Ngày 25/4/1996, Tòa án nhân dân Tối cao - Tòa Phúc Thẩm tại Hà Nội xử y án sơ thẩm của TAND thành phố Hà Nội, buộc bị cáo L phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 03 năm tù (bị cáo chưa nộp án phí- chưa được xóa án tích); Nhân thân: Ngày 10/02/1972, Công an huyện GL xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày 10/8/1972, Công an huyện GL xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày 26/7/1973, đi trường phổ thông Công nông nghiệp Lào Cai; Ngày 05/4/1982, Công an huyện GL xử phạt

hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày 05/8/1983, Công an huyện GL xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày 30/5/1991 đi tập trung cải tạo 03 năm theo Quyết định số 529 của UBND thành phố Hà Nội. Ngày 28/3/1995, TAND huyện GL xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt tại Bản án số 31/HSST ngày 26/12/1995 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (giá trị tài sản trộm cắp là 500.000 đồng); Ngày 25/6/1998, TAND thành phố Hà Nội, xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản và phạt 03 năm quản chế tại địa phương kể từ sau khi mãn hạn tù. Ngày 30/4/2000, được đặc xá tha tù trước thời hạn. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/Anh Đặng Gia L, sinh năm 1979; KHTT: Khu phố T.Á, phường GD, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa.

2/Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1972; HKTT: Xóm 8, xã MS, huyện DL, tỉnh Nghệ An. Chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã CB, huyện GL, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

3/Anh Lê Ngọc A, sinh năm 1980; HKTT: Tổ dân phố AD, thị trấn TQ, huyện GL, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

4/Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988; HKTT: DL (Thôn 1), xã DL, huyện HD, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 12/8/2023, tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội - Công an huyện GL tiến hành kiểm tra tại khu “Lán” ở thôn V2, CB, GL, Hà Nội do Bùi Văn L tự ý dựng trên đất công của UBND xã CB mà không được sự đồng ý của chính quyền địa phương. Qua kiểm tra có các đối tượng gồm: Đặng Gia L, Nguyễn Thị D đang mua bán dâm; Lê Ngọc A và Nguyễn Thị L cũng đang mua bán dâm. Tổ công tác đã lập biên bản và đưa các đối tượng mua bán dâm về trụ sở để điều tra làm rõ.

Vật chứng thu giữ: 02 bao cao su đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Oppo Reno 9 Pro của D; 01 điện thoại di động Nokia của L; 01 điện thoại di động Viettel màu đen và số tiền 1.350.000 đồng của L

Tại cơ quan điều tra, các đối tượng L, D, Ngọc A và L khai nhận việc mua bán dâm thông qua Bùi Văn L môi giới, dẫn dắt.

Quá trình điều tra đã xác định được như sau: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 12/8/2023, Bùi Văn L đang ở khu lều lán tại thôn V2, CB, GL thì có Lê Ngọc A và Đặng Gia L1 đến gặp và bảo L bố trí cho 2 gái bán dâm để Ngọc A và L1 mua dâm tại “Lán” của L, giá mua bán dâm là 350.000 đồng/người/lượt. L đồng ý và sử dụng số điện thoại 0967656571 gọi tới số điện thoại 0369557708 của Nguyễn Thị D và gọi tới số 0337761538 của Nguyễn Thị L2 đi đến khu lều lán của L để bán dâm cho L1 và Ngọc A với giá 250.000 đồng/người/lượt, D và L2 đồng ý. Đến khoảng 12 giờ 50 phút cùng ngày thì D và L2 đến khu lều lán của L để bán dâm. Lúc này, Ngọc A đưa cho L 650.000 đồng (trong đó, 350.000 đồng là tiền mua dâm, 300.000 đồng là tiền công L điều nhân viên nữ đến để bán dâm cho Ngọc A); L1 đưa cho L 700.000 đồng (trong đó 350.000 đồng là tiền mua dâm, 350.000 đồng là tiền công L điều nhân viên nữ đến để bán dâm cho L1). Sau đó, L1 đưa cho D và L2 bao cao su để sử dụng khi quan hệ tình dục. D và L1 vào giường ngủ trong lán để quan hệ tình dục, Ngọc A và L2 đi ra phòng ngủ phía sau của khu lều lán để quan hệ tình dục, còn L đi ra ngoài có việc cá nhân. Đến 13 giờ 50 cùng ngày 12/8/2023 khi D cùng L1, L2 cùng Ngọc A2 đang quan hệ tình dục thì bị lực lượng Công an kiểm tra lập biên bản.

Đối với Lê Ngọc A và Đặng Gia L1 là người mua dâm và Nguyễn Thị D1 và Nguyễn Thị L2 là gái bán dâm. Ngày 15/11/2023, Công an huyện GL đã ra quyết định xử lý phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền.

Đối với số tiền 1.350.000 đồng thu giữ của L; 01 điện thoại di động Oppo zeno 9Pro của D; 01 điện thoại di động Nokia của L2; 01 điện thoại di động Viettel thu giữ của L và 02 bao cao su đã qua sử dụng thu giữ tại “Lán” dựng tạm của L đều liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với việc bị can Bùi Văn L dựng “Lán” trên khu đất tại thôn V 2, xã CB, huyện GL. Qua xác minh, UBND xã CB không giao cho L quản lý khu đất trên, L tự dựng “Lán” không được sự đồng ý của chính quyền địa phương. UBND xã CB đã yêu cầu L phải tháo dỡ nhưng L chưa tháo dỡ mà vẫn sử dụng để phạm tội chứa mại dâm.

Bản Cáo trạng số 250/CT-VKSGL ngày 27/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm đã truy tố Bùi Văn L về tội Chứa mại dâm theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như Kết luận điều tra của Cơ quan điều tra và bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm giữ quyền công tố luận tội và tranh luận tại phiên tòa, sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Bùi Văn L phạm tội Chứa mại dâm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Văn L từ 16 tháng đến 22 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy: 02 bao cao su đã qua sử dụng. Tịch thu sung công: số tiền 1.350.000đồng và 01 điện thoại di động Viettel thu giữ của L; Trả lại chị Nguyễn Thị D 01 điện thoại di động Oppo zeno 9Pro; Trả lại chị Nguyễn Thị L 01 điện thoại di động Nokia;

Bị cáo không có tranh luận gì bổ sung thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]** Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn L khai nhận toàn bộ nội dung vụ việc phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung Kết luận điều tra của Cơ quan điều tra và bản Cáo trạng của Viện kiểm sát. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 12/8/2023, tại khu lều lán do Bùi Văn L tự dựng lên ở thôn V 2, xã CB, huyện GL, Hà Nội, bị cáo Bùi Văn L có hành vi cho hai đôi nam nữ gồm: Đặng Gia L1 và Nguyễn Thị D; Lê Ngọc A và Nguyễn Thị L2 mua bán dâm nhằm thu lợi bất chính thì bị Công an huyện Gia Lâm kiểm tra phát hiện và bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Chứa mại dâm vi phạm khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã trực tiếp xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa trong nhân dân được pháp luật bảo vệ; đồng thời tạo môi trường lây lan các căn bệnh truyền nhiễm khác trong xã hội.

Bản thân bị cáo là người có nhiều tiền án, tiền sự, có bản án còn chưa nộp tiền án phí nên chưa được xóa án tích, nhưng do lười lao động, muốn có tiền tiêu sài nên đã cố tình cho 2 đôi nam nữ mua bán dâm tại lều lán do mình tự dựng lên, điều đó thể hiện thái độ của bị cáo rất coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải cách

ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mỗi thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Đánh giá về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo xác định tại phiên tòa, năm 1996 Tòa phúc thẩm TAND Tối cao xử xong, bị cáo không có tiền nộp án phí nên đến nay vẫn chưa nộp khoản nghĩa vụ này. Vì vậy, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

**[2]** Về những chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cơ bản phù hợp với kết quả nghị án của Hội đồng xét xử.

**[3]** Đánh giá về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp, không có ai khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

**[4] Về hình phạt bổ sung:** Xét thấy bị cáo không có thu nhập do không có việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt này đối với bị cáo.

**[5] Về vật chứng vụ án:** Tịch thu tiêu hủy các bao cao su; tịch thu sung công số tiền và các điện thoại thu giữ của bị cáo và những người liên quan do liên quan đến quá trình tội phạm diễn ra.

**[6] Về án phí HSST:** Bị cáo là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí HSST nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**[7] Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Điều 136; Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

**Tuyên bố:**

Bị cáo **Bùi Văn L** (tên gọi khác là **C**) phạm tội: “Chứa mại dâm”.

**Xử phạt:** Bị cáo **Bùi Văn L** (tên gọi khác là **C**) **20 (hai mươi)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

**Về hình phạt bổ sung:** Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

**Về vật chứng vụ án:** Tịch thu tiêu hủy: 02 bao cao su đã qua sử dụng. Tịch thu sung công: số tiền 1.350.000 đồng; 01 điện thoại di động Oppo Zeno 9 Pro có số imei 358230425448736, imei 2 358230425448744, lắp sim số 0369557708 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen, có số imei 351926050272898, lắp sim số 0337761538, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Viettel số imei 351580077148241, imei 2 351580077148258, lắp sim số 096756571 đã qua sử dụng (Tình trạng vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an huyện GL và Chi cục thi hành án dân sự huyện GL ngày 18/12/2023 và Biên lai thu tiền Ký hiệu BLTT/23 số 0003788 ngày 21/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GL, TP. Hà Nội).

**Về án phí HSST:** Bị cáo được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về phần dân sự có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKS huyện GL
- VKSND cấp trên trực tiếp
- Công an huyện GL.
- Chi cục THADS huyện GL
- TAND thành phố Hà Nội
- Bị cáo.
- Người tham gia tố tụng (vắng mặt).
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Kim Oanh**

